

Đáp án: Đại từ

7. Từ “vui” trong câu “Tôi rất vui” là .....từ.

Đáp án: động

8. Cặp quan hệ từ “vì - .....” thể hiện quan hệ nguyên nhân – kết quả.

Đáp án: nên

9. Cặp quan hệ từ “tuy – nhưng” thể hiện quan hệ .....

Đáp án: tương phản

10. Từ “bay” trong câu: “Giôn – xon/ Tôi ác bay chồng chất/Nhân danh ai/ Bay mang B52/ Những na pan hơi độc/ Đến Việt Nam.” là .....từ.

Đáp án: đại từ

**Bài 3. Chọn một đáp án đúng cho các câu hỏi dưới đây:**

1. Câu thơ: “Bầy chim đi ăn về/ .....vào ô cửa chưa sơn vài nốt nhạc” (Đồng Xuân Lan). Từ nào dưới đây được tác giả sử dụng ở chỗ trống trong câu thơ?

- A. Trút
- B. Đổ
- C. Thả
- D. Rót

Đáp án: D

2. Từ “tựa” trong câu thơ: “Ngôi nhà tựa vào nền trời sẫm biếc/ Thở ra mùi vôi vữa nồng hăng” là từ loại nào dưới đây?

- A. Quan hệ từ
- B. Động từ
- C. Tính từ
- D. Danh từ

Đáp án: B

3. Bài thơ nào dưới đây không phải của Định Hải?

- A. Bài ca về trái đất
- B. Cửa sông
- C. Gọi bạn

D. Nếu chúng mình có phép lạ

Đáp án: B

4. Cấu tạo của tiếng “huyền” là?

- A. Âm đầu, âm chính, thanh.
- B. Âm đầu, âm đệm, âm chính, thanh điệu.
- C. Âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối, thanh điệu.
- D. Âm đầu, âm chính, âm cuối, thanh điệu.

Đáp án: C

5. Câu nào dưới đây có từ “bà” là đại từ?

- A. Bà của Lan năm nay 70 tuổi.
- B. Bà ơi, bà có khỏe không?
- C. Lâu lắm rồi tôi mới có dịp về quê thăm bà tôi.
- D. Tiếng bà tôi nói rất vui vẻ, dịu dàng và trầm bổng.

Đáp án: B

6. Có bao nhiêu danh từ trong đoạn thơ dưới đây?

“Thuyền ta chầm chậm vào Ba Bể

Núi dựng cheo leo, hồ lặng im”

(Hoàng Trung Thông)

- A. 2 danh từ
- B. 3 danh từ
- C. 4 danh từ
- D. 5 danh từ

Đáp án: C

7. Xét về mặt từ loại, nhóm từ: “quốc kì, quốc ca, quốc lộ, quốc gia“ có điểm gì chung?

- A. .Đều là tính từ
- B. Đều là danh từ
- C. Đều là động từ
- D. Đều là đại từ

Đáp án: B

8. Trái nghĩa với từ “ căng” trong “bụng căng” là ?

- A. Phê
- B. Nhỏ
- C. Yếu
- D. Lép

Đáp án: D

9. Từ gạch chân trong câu thơ “Những vật nương màu mật” được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

- A. Nghĩa gốc
- B. Nghĩa chuyển

Đáp án: B (Nghĩa chuyển)

10. Từ nào không thuộc nhóm trong những từ: “Chậm, thông thả, từ từ, muộn”?

- A. Chậm
- B. Thông thả
- C. Muộn
- D. Từ từ

Đáp án: C

#### **ĐỀ 4:**

**Bài 1.** Điền các sự vật hoặc địa điểm vào các câu trong bài “Hà Nội” của nhà thơ Trần Đăng Khoa và vào các câu trong bài “Cao Bằng” của Trúc Thông.

1 .....có chong chóng/ Cứ tự quay trong nhà/ Không cần trời nổi gió/  
Không cần bạn chạy xa. (Hà Nội – Trần Đăng Khoa)

Đáp án: Hà Nội

2. Hà Nội có ...../ Nước xanh như pha mực. (Hà Nội – Trần Đăng Khoa)

Đáp án: Hồ Gươm

3. Bên hồ ngọn ...../ Viết thơ lên trời cao. (Hà Nội – Trần Đăng Khoa)

Đáp án: Tháp Bút

4. Mấy năm giặc bắn phá/ .....vẫn xanh cây. (Hà Nội – Trần Đăng Khoa)

Đáp án: Ba Đình

5. Trắng vàng chùa.....(Hà Nội – Trần Đăng Khoa)

Đáp án: Một Cột

6. Phủ .....hoa bay....(Hà Nội – Trần Đăng Khoa)

Đáp án: Tây Hồ

7. Sau khi qua Đèo Gió/ Ta lại vượt ..... (Cao Bằng – Trúc Thông)

Đáp án: Giàng

8. Lại vượt đèo ...../ Thì ta tới Cao Bằng. (Cao Bằng – Trúc Thông)

Đáp án: Cao Bắc ❄️

9. ...., rõ thật cao/ Rồi dần dần bằng xuống. (Cao Bằng – Trúc Thông)

Đáp án: Cao Bằng ❄️

10. Còn núi non ...../ Đò làm sao cho hết/ Như tình yêu đất nước/ Sau sắc người Cao Bằng. (Cao Bằng – Trúc Thông)

Đáp án: Cao Bằng

**Bài 2. Xếp các bài thơ và tác giả của các bài thơ đó thành từng nhóm.**

Tác giả: Tố Hữu, Phạm Đình Ân, Võ Quảng, Quang Huy, Nguyễn Đình Ảnh, Nguyễn Đình Thi, Trần Ngọc, Trần Đăng Khoa, Trương Nam Hương, Đoàn Văn Cừ, Trần Đăng Khoa.

Bài thơ: “Mâm non”, “Hạt gạo làng ta”, “Chợ Tết”, “Trong lời mẹ hát”, “Việt Nam thân yêu”, “Sắc màu em yêu”, “Bầm ơi”, “Cửa sông”, “Chú đi tuần”, “Trước công trời”.

Tố Hữu- Bầm ơi

Phạm Đình Ân- Sắc màu em yêu

Võ Quảng- Mâm non

Quang Huy- Cửa sông

Nguyễn Đình Ảnh- Trước công trời.

Nguyễn Đình Thi- Việt Nam thân yêu

Trần Ngọc- Chú đi tuần

Trương Nam Hương- Trong lời mẹ hát

Đoàn Văn Cừ- Chợ tết.

Trần Đăng Khoa- Hạt gạo làng ta.

**Bài 3. Chọn một đáp án đúng cho các câu hỏi dưới đây:**

1. Tiếng nào dưới đây không ghép được với tiếng “công” để tạo thành từ có nghĩa?

A. bằng

B. dân

C. cộng

D. lai

Đáp án: D

2. Loại một từ có tiếng “hữu” không giống nghĩa với tiếng “hữu” ở các từ khác trong nhóm: “hữu nghị, hữu hiệu, hữu dụng, hữu ích”.

A. hữu nghị

B. hữu hiệu

C. hữu dụng

D. hữu ích.

Đáp án: A

3. Câu: “**Dưới đáy rừng, bỗng rực lên những chùm thảo quả đỏ chon chót, như chứa lửa, chứa nắng.**” được viết theo cấu trúc nào sau đây?

A. Chủ ngữ - trạng ngữ - vị ngữ

B. Chủ ngữ - vị ngữ - trạng ngữ

C. Trạng ngữ - vị ngữ - chủ ngữ

D. Trạng ngữ - chủ ngữ - vị ngữ

Đáp án: C

4. Câu: “**Trong đầm, những bông hoa sen tỏa hương thơm ngát.**” thuộc kiểu câu Ai làm gì hay Ai thế nào hay Ai là gì?

A. Kiểu câu Ai làm gì?

B. Kiểu câu Ai thế nào?

C. Kiểu câu Ai là gì?

Đáp án: B

5. Đoạn thơ: “**Trăng ơi... từ đâu đến/ Hay biển xanh diệu kì?/ Trăng tròn như mắt cá/ Chẳng bao giờ chớp mi.**” (Trần Đăng Khoa) sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

- A. Nhân hóa
- B. So sánh
- C. Điệp từ
- D. Nhân hóa và so sánh

Đáp án: D

**6. Tác giả của bài thơ “Trước cổng trời” là?**

- A. Nguyễn Đình Ảnh
- B. Trúc Thông
- C. Đoàn Văn Cừ
- D. Tô Hữu

Đáp án: A

**7. Câu: “Đâu đó, từ sau khúc quanh vắng lặng của dòng sông, tiếng lanh canh của thuyền chài gỡ mẻ cá cuối cùng truyền đi trên mặt nước, khiến mặt sông nghe như rộng hơn.” có bao nhiêu vị ngữ?**

- A. Một vị ngữ
- B. Hai vị ngữ
- C. Ba vị ngữ
- D. Bốn vị ngữ

Đáp án: B

**8. Đại từ “ấy” trong đoạn: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi.” thay thế cho phần nào dưới đây?**

- A. Nước Việt Nam là một.
- B. Dân tộc Việt Nam là một.
- C. Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một.

D. Sông có thể cạn, núi có thể mòn.

Đáp án: C

**9. Từ đồng nghĩa với từ “lạnh” trong câu: “Cơn gió lạnh từ biển thổi vào cho mọi người cảm thấy dễ chịu” là?**

- A. Hiền lành
- B. Lạnh lặn
- C. Mát lạnh
- D. Nguyên lành

Đáp án: C

**10. Trong các từ đồng nghĩa sau, từ nào có sắc thái coi thường:**

- A. Kiên cường
- B. Ngoan cố
- C. Ngoan cường

Đáp án: B

## **ĐỀ 5**

**Bài 1. Điền vào chỗ trống để hoàn thành các câu tục ngữ sau:**

1. Có .....thì nên.

Đáp án: chí

2. Nước chảy đá .....

Đáp án: mòn

3. ....tha lâu có ngày đầy tổ.

Đáp án: kiến

4. Chân .....đá mềm.

Đáp án: cứng



5. Lửa thử vàng, gian nan thử .....

Đáp án: sức

6. Một lần ....., một lần khôn.

Đáp án: ngã

7. Chớ thấy sóng cả mà .....tay chèo.

Đáp án: rã

8. Thua keo này, ..... keo khác.

Đáp án: bày

9. Thất bại là mẹ.....

Đáp án: thành công

10. Thắng không kiêu, bại không .....

Đáp án: nản

**Bài 2. Ghép các từ thuần Việt và Hán Việt cùng nghĩa vào thành một nhóm.**

Hỏa, đẹp, bạn bè, lạc quan, tim, cận, thi sĩ, lửa, gần, tâm, quan sát, có ích, bằng hữu, loài người, nhìn, hữu ích, nhân loại, mỹ lệ, nhà thơ, vui vẻ.

TỪ HÁN VIỆT	TỪ THUẦN VIỆT
Hỏa	Lửa
Lạc quan	Vui vẻ
Cận	Gần
Thi sĩ	Nhà thơ
Tâm	Tim
Quan sát	Nhìn
Hữu ích	Có ích
Bằng hữu	Bạn bè
Nhân loại	Loài người
Mỹ lệ	Đẹp

### Bài 3. Chọn 1 đáp án đúng

1. Loại một từ có chứa tiếng “công” không cùng nghĩa với tiếng “công” trong các từ còn lại: “Công bằng, công minh, công cộng, công lí”.

- A. Công bằng
- B. Công minh
- C. Công cộng
- D. Công lí

Đáp án: C

2. Từ ghép tổng hợp trong đoạn thơ: “Hai cha con bước đi trên cát/ Ánh mặt trời rục rờ biển xanh/ Bóng cha dài lênh khênh/ Bóng con tròn chắc nịch” là?

- A. Cha con
- B. Mặt trời
- C. Chắc nịch
- D. Rục rờ

Đáp án: A

3. Xác định kiểu câu theo mục đích nói cho câu: “Con đi mua cho bố quyển sách.” nếu câu đó là lời của con nói với mẹ.

- A. Câu cầu khiến
- B. Câu cảm
- C. Câu nghi vấn
- D. Câu kể

Đáp án: D

4. Trong các từ dưới đây, từ nào có tiếng “quan” nghĩa là “nhìn, xem”?

- A. Quan lại

- B. Quan tâm
- C. Lạc quan
- D. Quan chức

Đáp án: C

5. Cặp quan hệ từ nối các vế câu ghép: “Vì cặp mắt của bà đã mờ nên mỗi khi đọc sách báo, bà thường phải đeo kính.” thể hiện quan hệ gì?

- A. Giả thiết, kết quả
- B. Nguyên nhân, kết quả.
- C. Tương phản
- D. Tăng tiến

Đáp án: B

6. Các câu trong đoạn văn dưới đây được liên kết với nhau bằng cách nào?

“Làng mạc bị tàn phá nhưng mảnh đất quê hương vẫn đủ sức nuôi sống tôi như ngày xưa, nếu tôi có ngày trở về. Ở mảnh đất ấy, tháng giêng, tôi đi đốt bãi, đào ổ chuột; tháng tám nước lên, tôi đánh giậm, úp cá, đơm tép; tháng chín, tháng mười, đi móc con da dưới vệ sông. Ở mảnh đất ấy, những ngày chợ phiên, đi tôi lại mua cho vài cái bánh rộm; đêm nằm với chú, chú gác chân lên tôi mà lấy Kiều ngâm thơ; những tối liên hoan xã, nghe cái Tị hát chèo và đôi lúc lại được ngồi nói chuyện với Cún Con, nhắc lại những kỉ niệm đẹp đẽ thời thơ ấu.”

- A. Dùng từ ngữ nối.
- B. Thay thế từ ngữ.
- C. Lặp từ ngữ, thay thế từ ngữ, dùng từ nối.
- D. Lặp từ ngữ, thay thế từ ngữ.

Đáp án: D

7. Trong trường hợp nào, từ “mũi” mang nghĩa: bộ phận có đầu nhọn, nhô ra phía trước của vật?

- A. Mũi tiến công
- B. Mũi thuyền
- C. Mũi quân
- D. Mũi người

Đáp án: B

8. Từ “lòng” trong câu thơ “Lúa chín ngập lòng thung” được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

- A. Nghĩa gốc
- B. Nghĩa chuyển

Đáp án: B

9. Từ nào dưới đây có tiếng “hữu” không có nghĩa là “bạn bè”?

- A. Chiến hữu
- B. Hữu nghị
- C. Bằng hữu
- D. Hữu dụng

Đáp án: D

10. Các vế câu ghép : “Tôi chưa nói hết câu, nó đã ngắt lời.” được nối với nhau bằng cách nào?

- A. Nối trực tiếp bằng dấu câu.
- B. Nối bằng cặp quan hệ từ.
- C. Nối bằng cặp từ hô ứng.
- D. Nối bằng dấu câu và cặp từ hô ứng.

Đáp án: D